TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 29-11-2019
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - NINH BÌNH

- Thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông Nguyễn Văn Phiếu.
2. Ông Tạ Khắc Nghĩa.

Thư ký phiên toà: Ông Hứa Công Nguyên - Thẩm tra viên toà án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 277/2019/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đinh Thị Phương T, sinh năm 1989.

Tên gọi khác: Không.

Địa chỉ: Thôn 2 H xã T, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

2. Bị đơn: Anh Hoàng Xuân V, sinh năm 1990.

Tên gọi khác: Không.

Địa chỉ: Thôn 2 H, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Hiện anh V đang cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Ninh Bình.

(Chị T, anh V vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 10 năm 2019 và bản tự khai, nguyên đơn chị Đinh Thị Phương T trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh anh Hoàng Xuân V kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Ninh Bình trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện vào ngày 09/11/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống với nhau cùng gia đình anh V tại thôn 2 H, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng theo chị T trình bày là do anh V chơi bời sa vào tệ nạn xã hội, không quan tâm đến gia đình, mặc dù chị T khuyên can nhiều lần nhưng không có kết quả. Từ năm 2017 mâu thuẫn trầm trọng, hai vợ chồng sống ly thân. Tháng 1/2019 anh V phải đi cai nghiện bắt buộc với thời hạn 18 tháng tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Ninh Bình. Chị nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự sâu sắc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Xuân V.

2. Về con chung: Chị xác định chị và anh V có 01 con chung là cháu Hoàng Trà M, sinh ngày 22/4/2017. Hiện nay cháu đang ở với chị. Chị có nguyện vọng tiếp tục chăm sóc và nuôi cháu Hoàng Trà M, không đề nghị anh V cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị T xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Hoàng Xuân V đã được tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng để anh V biết để thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

Ý kiến của anh bị đơn anh Hoàng Xuân V được thể hiện tại bản tự khai ngày 07/11/2019: Anh V thừa nhận thời gian kết hôn và chung sống như chị T trình bày là đúng. Theo anh nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh nghiện ma túy. Quan điểm của anh V là đồng ý ly hôn với chị T. Về con chung anh xác nhận anh và chị T có một con chung là cháu Hoàng Trà M sinh ngày 22/4/2017, hiện cháu đang ở với chị T, khi ly hôn anh V đồng ý để chị T chăm sóc và nuôi dưỡng cháu M. Anh đề nghị tòa án xét xử vắng mặt. Vì hiện nay anh đang cai nghiện ma túy nên không thể tham gia phiên tòa.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình.

Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên:

* Về thủ tục tố tụng:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện và chấp hành quyền và nghĩa vụ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 5; Điều 147; Điều 266; Điều 227; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị Phương T. Xử cho ly hôn giữa chị Đinh Thị Phương T và anh Hoàng Xuân V.

- Về con chung: Giao cháu Hoàng Trà M, sinh ngày 22/4/2017, hiện đang ở với chị T cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi. Anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Đinh Thị Phương T phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại Thôn 2 H, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình thụ lý vụ án là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. **Về nội dung:** *Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa HĐXX nhận thấy:*

[2.1].Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh V là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên hai bên chỉ chung sống được với nhau được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh V chơi bời sa vào tệ nạn xã hội dẫn đến nghiện ma túy phải đi cai nghiện bắt buộc. Bản thân anh V cũng thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh nghiện ma túy, từ năm 2017 chị T và anh V đã ly thân, không

còn tình cảm với nhau chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa hai bên chỉ còn tồn tại về mặt hình thức, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T với anh V là có căn cứ, phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2].Về con chung: Nguyện vọng của chị T xin được tiếp tục nuôi con chung là cháu Hoàng Trà M sinh ngày 22/4/2017, hiện cháu đang ở với chị, Hội đồng xét xử thấy: Xét điều kiện anh V hiện nay đang phải đi cai nghiện bắt buộc vì vậy không thể có điều kiện để nuôi dưỡng cháu. Mặt khác chị T khỏe mạnh, có thu nhập, bên cạnh có bố mẹ đẻ giúp đỡ chăm sóc cháu. Hiện nay cháu M mới được hơn hai tuổi, mặt khác anh V cũng không tranh chấp mà đồng ý cho chị T tiếp tục nuôi cháu M. Do vậy, xét ý kiến của các bên và để đảm bảo lợi ích mọi mặt của cháu M nên giao cháu M cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là có căn cứ theo khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không có yêu cầu, mặt khác anh V đang phải đi cai nghiện bắt buộc không có điều kiện nên không đặt ra việc xem xét.

[2.4]. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.5]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 147, 227, 228, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng các điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Toà án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị Phương T. Xử ly hôn giữa chị Đinh Thị Phương T và anh Hoàng Xuân V.

2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Trà M sinh ngày 22/4/2017, hiện nay cháu đang ở với chị T cho chị T tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác. Anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

Sau khi ly hôn, ng□ời không trực tiếp nuôi con có quyền nghĩa vụ thăm nom con mà không ai đ□ợc cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm

nom để cản trở hoặc gây ảnh h□ởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc và nuôi d□ỡng, giáo dục con thì ng□ời trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ng□ời đó.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Đinh Thị Phương T phải nộp là 300.000 đồng. Được trừ vào số tiền tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000đ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/0000375 ngày 24/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

4. Quyền kháng cáo: Chị T và anh V được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh NB;*
- *VKSND huyện N;*
- *THADS huyện N;*
- *UBND xã T;*
- *Đương sự;*
- *Lưu./.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

NGUYỄN THỊ HƯƠNG QUỲNH